TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. U M T **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2017/QĐST-HNGĐ	

UMT, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Trần Thùy T, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 174, tổ 4, ấp VH, xã HC, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lý Văn L và bà Trần Thùy T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Lý Văn L và bà Trần Thùy T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao bà T tiếp tục nuôi người con tên LTMT, sinh ngày 09/7/2005. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí thuận tình ly hôn: Ông L, bà T mỗi người phải nộp 75.000 đồng, ông L tự nguyện nộp thay cho bà T 75.000 đồng. Ông L đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006592, ngày 10/7/2017 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện UMT, nên ông L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện UMT;
- THA DS huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tấn Nghĩa